TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/HS-ST
Ngày: 05.3.2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đăng Khoa

2. Bà Hà Thị Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 373/2024/TLST-HS, ngày 31 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo:

Trần Thị Thúy M, sinh ngày 07/3/1965; Nơi sinh: thành phố H, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số B, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Châu Bửu Á; Chồng, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 20/7/2023, bị Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh K xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 20.000.000 đồng về hành vi buôn bán thuốc lá điếu nhập lậu theo Quyết định số 53000067/QĐ-XPHC. Ngày 21/7/2023, chấp hành xong Quyết định, chưa được xóa tiền sự.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam được tại ngoại cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

** Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thúy M*: Luật sư **Nguyễn Thị Kim S** – Văn phòng Luật sư Phạm Văn C thuộc Đoàn luật sư tỉnh K. (Có mặt).

** Người làm chứng:*

+ **Trần Lâm Thanh B**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Số B, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 19/4/2024, tại khu vực Bến xe R- H, số B, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế và Chức vụ Công an thành phố R, kết hợp Công an phường V kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính đối với Trần Thị Thúy M về hành vi tàng trữ hàng cấm là thuốc lá điếu nhập lậu (sau đây gọi là thuốc lá) thu giữ trên xe ô tô khách, biển số: 68F-001.02 do M quản lý 740 bao thuốc lá, gồm: 420 bao thuốc lá nhãn hiệu JET, 220 bao thuốc lá nhãn hiệu HERO, 100 bao thuốc lá nhãn hiệu SCOTT.

Quá trình điều tra xác định: Trần Thị Thúy M làm nghề kinh doanh vận tải hành khách tuyến thành phố R đi thành phố H, tỉnh Kiên Giang và ngược lại. Với mục đích kiếm thêm thu nhập, M bắt đầu buôn bán hàng cấm là thuốc lá từ ngày 12/7/2023. Nguồn thuốc lá có để bán M mua của nhiều người không rõ nhân thân. Trong đó, có một người đàn ông ở thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Người đàn ông này, trực tiếp liên hệ, chào mời M mua thuốc lá vào khoảng đầu tháng 4 năm 2024, tại khu vực bến xe H, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Quá trình mua bán, khi M vận chuyển khách vào Bến xe H thì người đàn ông nói trên sẽ đến gặp M mời mua thuốc lá nếu có nhu cầu thì M và người đàn ông này thỏa thuận giá cả, sau đó M đến khu vực chợ H1 nhận thuốc lá, rồi tự mang về cất giấu trong xe ô tô. Việc mua bán được thanh toán bằng tiền mặt. Thuốc lá, sau khi vận chuyển về Bến xe R, M bán cho nhiều người không rõ nhân thân, những người này trực tiếp đến liên hệ với M để mua. Vào tháng 02 năm 2024, M thuê xe ô tô biển số: 68F -001.02 của chị Trần Hà Diễm M1 với mục đích kinh doanh như đã nói ở trên, M là người trực tiếp điều hành hoạt động của xe và thuê anh Lê Văn T1 làm tài xế, anh Trần Lâm Thanh B làm phụ xế. Vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 19/4/2024, M cùng với anh T1, anh B vận chuyển hành khách đến bến xe H thì người đàn ông nói trên đến liên hệ với M để bán thuốc lá. Khi đó, M thỏa thuận mua của người đàn ông này 420 bao thuốc lá nhãn hiệu Jet với giá 19.900 đồng/01 bao; 220 bao thuốc lá nhãn hiệu Hero với giá 16.600 đồng/01 bao; 100 bao thuốc lá nhãn hiệu Scott, với giá 13.800 đồng/01 bao. Sau khi thỏa thuận xong, M đi cùng người đàn ông này đến khu vực chợ H1 và đứng ở một góc chợ để chờ nhận thuốc lá. M đứng chờ được một lúc thì người đàn ông này mang đến giao cho M số thuốc lá như đã thỏa thuận, số thuốc lá được chứa trong 07 thùng giấy carton, mỗi thùng chứa khoảng 10 cây thuốc lá (mỗi cây 10 bao). Sau khi nhận thuốc lá, M thanh toán cho người này bằng tiền mặt với số tiền 13.390.000 đồng và đón xe ôm chở số thuốc lá nói trên về Bến xe H và kêu anh B để vào hầm xe

(anh B khi đó không biết là thuốc lá). Khoảng 14 giờ 45 phút cùng ngày, xe của M xuất bến từ thành phố H về bến xe R đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng thì đến nơi. Khi về đến, M kêu anh B mang số thuốc lá trên bỏ vào các túi nylon màu đen để M mang đi bán nhưng khi anh B chuẩn bị làm theo yêu cầu của M thì bị lực lượng Công an pháp hiện, lập biên bản vi phạm hành chính.

Ngoài ra, trước đó M còn thực hiện hành vi buôn bán hàng cấm là thuốc lá 03 lần, cụ thể như sau:

Vào ngày 12/7/2023, Trần Thị Thúy M mua 400 bao thuốc lá của một người phụ nữ không rõ nhân thân tại Bến xe R với ý định mang đến huyện G bán cho các tiệm tạp hóa. Đến khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày, M bị lực lượng Quản lý thị trường phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính. Ngày 20/7/2024, M bị Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 20.000.000 đồng về hành vi buôn bán thuốc lá điếu nhập lậu theo Quyết định số 53000067/QĐ-XPHC. Ngày 21/7/2023, chấp hành xong Quyết định, chưa xóa tiền sự.

Vào đầu tháng 4 năm 2024 (M không nhớ rõ ngày), M thực hiện trót lọt 02 lần buôn bán thuốc lá, mỗi lần khoảng 600 bao thuốc lá. Nguồn thuốc lá M mua của người đàn ông không rõ nhân thân nói trên tại Bến xe H và bán lại cho những người không rõ nhân thân trực tiếp đến liên hệ mua của M tại Bến xe R. Mỗi cây thuốc bán được, M thu lợi khoảng 4.000 đồng, tổng số tiền M thu lợi bất chính trong 02 lần buôn bán thuốc lá nói trên được khoảng 500.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

* *Vật chứng thu được*: 420 bao thuốc lá nhãn hiệu JET; 220 bao thuốc lá nhãn hiệu HERO; 100 bao thuốc lá nhãn hiệu SCOTT; 01(một) xe ô tô, nhãn hiệu COUNTY, loại 29 chỗ ngồi, biển số: 68F-001.02, số khung: RRFHD17PP9T-000257; số máy: D4Đ-8363361, đã qua sử dụng.

*** Tại Công văn số 138/CV-2024 HHTLVN, ngày 05/8/2024** của H2 về thẩm định thuốc lá điều nhận lậu, phúc đáp như sau: 03 mẫu cây thuốc lá điếu (01 cây có 10 bao) nhãn hiệu: Jet, S1 và H do Cơ quan cung cấp vào ngày 24/7/2024 là thuốc lá điếu nhập lậu.

Tại bản Cáo trạng số: 24/CT-VKSRG ngày 24/12/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Trần Thị Thúy M về tội: "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thúy M phạm tội: "Buôn bán hàng cấm"

- *Về điều luật áp dụng và hình phạt*: Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Thúy M** phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu, tiêu hủy: 420 bao thuốc lá nhãn hiệu JET; 220 bao thuốc lá nhãn hiệu HERO; 100 bao thuốc lá nhãn hiệu SCOTT. Theo Quyết định chuyển vật chứng số 14/QĐ-VKSTPRG, ngày 24/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán hàng cấm những ngày trước đó, theo biên lai thu tiền số 007969, ngày 05/3/2025 (Nguyễn Thị Kim S nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R G.

- Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Trần Hà T2 My xe ô tô, nhãn hiệu COUNTY, loại 29 chỗ ngồi, biển số: 68F-001.02, số khung: RRFHD17PP9T-000257; số máy: D4Đ-8363361, đã qua sử dụng theo Quyết định xử lý vật chứng số 3877, ngày 10/11/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Thị Thúy M thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G đã truy tố, bị cáo không có ý kiến gì. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

** Luật sư Nguyễn Thị Kim S trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo*: Thống nhất với nội dung Cáo trạng và tội danh của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G đối với bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ, ngoài tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đề nghị thì bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi người anh ruột bị tai biến và cháu đang học đại học; bị cáo đã nộp đầy đủ số tiền thu lợi bất chính nên đề nghị HĐXX áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của BLHS để xử phạt tiền bị cáo thấp hơn mức mà Viện kiểm sát đề nghị.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo trình bày: Bị cáo đã nhận biết được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố R, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực

hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa, Trần Thị Thúy M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội tại Cơ quan điều tra; biên bản vi phạm hành chính cùng các tài liệu, đồ vật đã thu giữ; lời khai nhận của người làm chứng; kết luận giám định của các cơ quan có thẩm quyền và phù hợp các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Trần Thị Thúy M làm nghề kinh doanh vận tải hành khách tuyến thành phố R đi thành phố H, tỉnh Kiên Giang và ngược lại. Với mục đích kiếm thêm thu nhập, M bắt đầu buôn bán hàng cấm là thuốc lá điếu nhập lậu từ ngày 12/7/2023. Nguồn thuốc lá do M mua của nhiều người không rõ nhân thân, ở khu vực thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Thuốc lá, sau khi vận chuyển về Bến xe R, M bán cho nhiều người không rõ nhân thân. Mỗi cây thuốc bán được, M thu lợi khoảng 4.000 đồng. Vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 19/4/2024, tại khu vực Bến xe R- H, số B, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, Trần Thị Thúy M bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế và Chức vụ Công an thành phố R G lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ hàng cấm với mục đích để buôn bán. Thu giữ trên xe ô tô, biển số: 68F-001.02 do Trần Thị Thúy M quản lý 740 bao thuốc lá, gồm: 420 bao thuốc lá nhãn hiệu JET, 220 bao thuốc lá nhãn hiệu HERO, 100 bao thuốc lá nhãn hiệu SCOTT. Tại Công văn số 138/CV-2024 HHTLVN, ngày 05/8/2024 của H2 đã xác định 03 mẫu cây thuốc lá điếu có nhãn hiệu: Jet, S1 và H do cơ quan cung cấp là thuốc lá điếu nhập lậu. Số lượng thuốc lá điếu nhập lậu mà M tàng trữ nhằm mục đích để buôn bán thấp hơn mức tối thiểu quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do M đã có 01 tiền sự về hành vi buôn bán hàng cấm, chưa được xóa tiền sự mà còn vi phạm. Do đó, hành vi của bị cáo Trần Thị Thúy M đủ yếu tố cấu thành tội "Buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự, như kết luận của Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý, sản xuất, buôn bán, kinh doanh một số loại hàng cấm, nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội và việc quản lý kinh tế tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được tác hại do hành vi

phạm tội của mình gây ra, nhưng vì lợi ích của bản thân mà vẫn bất chấp thực hiện. Do đó, cần phải xử lý nghiêm để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo đã giao nộp đầy đủ số tiền thu lợi bất chính trước khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử nên bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân, bị cáo là người có nhân thân xấu.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 1 Điều 51 và có tình tiết giảm nhẹ thuộc khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo phạm tội lần đầu, không có tình tiết tăng nặng; bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính; bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; tại phiên tòa nhận thấy, bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà xử phạt bị cáo bằng hình phạt tiền cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo sữa chữa sai lầm, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Ngoài ra, hình phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố R và quan điểm bào chữa của Luật sư về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Đối với người đàn ông chưa rõ nhân thân có hành vi bán thuốc lá điếu nhập lậu cho Trần Thị Thúy M. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh để xử lý theo quy định của pháp luật, nên HĐXX miễn xét.

Đối với Trần Lâm Thanh B biết được việc M có mua thuốc lá và có hành vi chuẩn bị sắp xếp thuốc lá vào bao nylon theo yêu cầu của M. Tuy nhiên, do B chưa thực hiện theo yêu cầu của M thì bị lực lượng Công an kiểm tra. Quá trình mua bán thuốc lá, M không có bàn bạc với B, số lượng thuốc lá chưa đủ định lượng cấu thành tội phạm và B chưa có tiền án tiền sự liên quan đến tội phạm liên quan đến hàng cấm nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với anh Lê Văn T1 và chị Trần Hà Thúy M2 không biết việc M buôn bán hàng cấm nên không xem xét xử lý.

[8] Về các vấn đề khác:

[8.1] Về vật chứng và xử lý vật chứng: áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 420 bao thuốc lá nhãn hiệu JET; 220 bao thuốc lá nhãn hiệu HERO; 100 bao thuốc lá nhãn hiệu SCOTT. Theo Quyết định chuyển vật chứng số 14/QĐ-VKSTPRG, ngày 24/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G.

- *Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R đã xử lý vật chứng*: Trả lại cho chủ sở hữu Trần Hà T2 My xe ô tô, nhãn hiệu COUNTY, loại 29 chỗ ngồi, biển số: 68F-001.02, số khung: RRFHD17PP9T-000257; số máy: D4Đ-8363361, đã qua sử dụng theo Quyết định xử lý vật chứng số 3877, ngày 10/11/2024. Xét thấy, việc Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản nêu trên đúng theo quy định của pháp luật nên HĐXX miễn xét.

[8.2] Về biện pháp tư pháp: Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán hàng cấm những ngày trước đó theo biên lai thu tiền số 007969, ngày 05/3/2025 (Nguyễn Thị Kim S nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R G.

[8.3] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Thị Thúy M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh đối với bị cáo:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Thúy M phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo:

Áp dụng: điểm e khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thúy M 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

3. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy: 420 bao thuốc lá nhãn hiệu JET; 220 bao thuốc lá nhãn hiệu HERO; 100 bao thuốc lá nhãn hiệu SCOTT. Theo Quyết định chuyển vật chứng số 14/QĐ-VKSTPRG, ngày 24/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G.

- Xét thấy, việc Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu Trần Hà Thúy M2 theo Quyết định xử lý vật chứng số 3877, ngày 10/11/2024 đúng theo quy định của pháp luật nên HĐXX miễn xét.

4. Về biện pháp tư pháp Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán hàng cấm những ngày trước đó theo biên lai thu tiền số 007969, ngày 05/3/2025 (Nguyễn Thị Kim S nộp thay) của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R G.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Trần Thị Thúy M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- Cơ quan THA Dân sự TP. R G;
- Công an TP. R G;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tấn Nghĩa